TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ---------- Số: 44/2017/ QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *G, ngày 04 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 17/2017/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị **An Thị N,** sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố N, tỉnh N

và Bị đơn: Anh **Chu Văn N**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Chị **An Thị N,** sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố N, tỉnh N

và Bị đơn: Anh **Chu Văn N**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1: Về quan hệ con chung: Chị An Thị N và anh Chu Văn N đều xác nhận anh chị có 02 con chung: Cháu lớn là Chu Thị Bích P, sinh ngày 09/5/2014; cháu bé là Chu Thị Ngọc T, sinh ngày 06/9/2015. Hai bên thoả thuận giao cháu Chu Thị Bích P cho chị

An Thị N trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Chu Thị Ngọc T cho anh Chu Văn N trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc, giáo dục. Kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu Chu Thị Bích P và cháu Chu Thị Ngọc T đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai đ- ợc cản trở.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Chị An Thị N và anh Chu Văn N đều không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Toà án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị An Thị N phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ 150.000 đồng và trả lại chị An Thị N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2010/03984 ngày 10/3/2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện G*
- *Các đ- ơng sự;*
- *UBND thị trấn M;*
- *L- u hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Hà Thiện Thành